

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2025/LĐ-ST

Ngày: 30/9/2025

V/v tranh chấp về tiền lương, bảo
hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Mỹ Huệ

2. Bà Phan Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2025/TLST-LĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1774/2025/QĐXXST-LĐ ngày 18/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2643/2025/QĐST-LĐ ngày 08/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Ngọc Đông V, sinh năm 1995

Địa chỉ: số A đường P, phường L, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần C

Địa chỉ: số A Đường I, khu dân cư N, phường T, Quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn Bửu Đ, sinh năm 1969, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: số C đường V, Phường C, quận B (nay là phường G), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Ngọc Đông V trình bày:

Bà ký hợp đồng lao động và vào làm việc tại Công ty Cổ phần C từ ngày 12/12/2022, với vị trí là nhân viên cung ứng, lương thỏa thuận là 13.000.000 đồng/tháng. Theo thỏa thuận, kỳ thanh toán lương được Công ty Cổ phần C thanh toán từ ngày 25 đến ngày 28 mỗi tháng. Giữa bà và Công ty có ký Hợp đồng lao động từ ngày 12/02/2023 đến ngày 11/02/2024, tuy nhiên Công ty giữ bản gốc nên bà không có để nộp cho Tòa án. Ngày 11/02/2024 bà và Công ty tiếp tục ký hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm, đến ngày 11/02/2025.

Trong quá trình làm việc, do Công ty Cổ phần C nhiều lần chậm thanh toán tiền lương và không đảm bảo các quyền lợi hợp pháp cho người lao động, do đó, ngày 30/6/2024 bà đã nộp đơn xin nghỉ việc và được Công ty Cổ phần C chấp nhận tại Quyết định v/v chấm dứt Hợp đồng lao động số NV.359/F22-283 ngày 31/7/2024.

Bà đã thực hiện bàn giao đầy đủ theo quy định. Tuy nhiên Công ty Cổ phần C chỉ mới thanh toán cho bà được một phần lương của tháng 5/2024, đến nay vẫn còn nợ lại một phần tiền lương của tháng 5/2024 và lương của tháng 6, tháng 7 năm 2024, tổng số tiền lương còn nợ là 28.661.000 đồng.

Ngày 17/9/2024, tại trụ sở Công ty, bà V và Công ty Cổ phần C có buổi làm việc, tại biên bản họp thỏa thuận thanh toán tiền lương cho người lao động ngày 17/9/2024, Công ty Cổ phần C cam kết sẽ chi trả tiền lương còn nợ cho bà bằng hình thức chuyển khoản, chi trả 3 đợt, cụ thể như sau:

Đợt 1: trong tháng 11/2024, chi trả số tiền 4.295.000 đồng;

Đợt 2: trong tháng 12/2024, chi trả số tiền 12.457.000 đồng;

Đợt 3: trong tháng 01/2025, chi trả số tiền 11.909.000 đồng;

Tuy nhiên Công ty vẫn không thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận và Công ty cũng không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho bà V từ tháng 02/2023 đến hết tháng 7/2024.

Do đó, bà V khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần C thanh toán cho bà phần tiền lương còn nợ của tháng 5/2024, 6/2024, 7/2024, tổng cộng là 28.661.000 đồng;

- Yêu cầu Công ty cổ phần C đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Mai Ngọc Đông V từ tháng 02/2023 đến tháng 7/2024, trên mức lương 5.008.000 đồng và chốt sổ Bảo hiểm xã hội cho bà theo quy định.

Bị đơn Công ty Cổ phần C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập Công ty Cổ phần C, người đại diện theo pháp luật của Công ty đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty Cổ phần C, người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được và không ghi nhận được ý kiến của Công ty Cổ phần C.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn Công ty Cổ phần C có trách nhiệm thanh toán tiền lương còn nợ cho bà Mai Ngọc Đông V, số tiền 28.661.000 đồng; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Mai Ngọc Đông V từ tháng 02 năm 2023 đến hết tháng 7 năm 2024 với mức lương 5.008.000 đồng/tháng, tỷ lệ đóng theo quy định của pháp luật, chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà Mai Ngọc Đông V theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Bà Mai Ngọc Đông V khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần C trả tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

Căn cứ Văn bản số 3934/ĐKKD-T6 ngày 17/6/2025 của Sở Tài chính Thành phố H thì bị đơn có trụ sở tại số A, Đường I, Khu dân cư N, phường T, Quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo điểm d khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định: “*Nếu tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương ... thì nguyên đơn là người lao động có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc giải quyết*”. Nguyên đơn bà Mai Ngọc Đông V cư trú tại số A đường P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 32, Khoản 1 Điều 35, điểm d Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì quan hệ tranh chấp là tiền lương, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định. Tuy nhiên do bận công việc nên có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với bị đơn Công ty Cổ phần C, có người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Văn Bửu Đ đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa ngày 08/9/2025 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập họp lệ Công ty Cổ phần C, ông Đỗ Văn Bửu Đ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng Công ty Cổ phần C, ông Đỗ Văn Bửu Đ vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện về thanh toán tiền lương, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng lao động số HĐLĐ.386/F22-283 ngày 12/02/2024 giữa Công ty Cổ phần C và bà Mai Ngọc Đông V, Quyết định v/v chấm dứt HĐLĐ số NV.359/F22-283 ngày 31/7/2024 của Công ty Cổ phần C ; và lời trình bày của bà V, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà V bắt đầu làm việc tại Công ty từ ngày 12/02/2023 và chấm dứt kể từ ngày 31/7/2024 theo nguyện vọng của bà V.

Theo Biên bản họp thỏa thuận thanh toán tiền lương cho người lao động ngày 17/9/2024, Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn số tài khoản 060295461392, tên khách hàng: Mai Ngọc Đông V của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh T – Phòng Giao dịch Tô Ngọc V1 và Sổ phụ kiêm báo nợ, báo có số tài khoản 0777921846, tên khách hàng: Mai Ngọc Đông V của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 – Chi nhánh Thành phố H – Phòng Giao dịch thủ Đ1 thì Công ty còn nợ bà V tiền lương tháng 5/2024, tháng 6/2024, tháng 7/2024, tổng số tiền là 28.661.000 đồng và vẫn chưa chi trả cho bà V theo nội dung Biên bản họp thỏa thuận thanh toán tiền lương cho người lao động ngày 17/9/2024.

Căn cứ Điều 95 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “*Người sử dụng lao động trả lương cho người lao động căn cứ vào tiền lương đã thỏa thuận, năng suất lao động và chất lượng thực hiện công việc*”.

Do Công ty không trả tiền lương còn nợ nên bà V khởi kiện yêu cầu Công ty có trách nhiệm trả cho bà V tiền lương còn nợ 28.661.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Văn bản số 891/BHXXH-TST ngày 08/5/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố T, bà V (sinh ngày 04/6/1995, mã số BHXH 7938348839) có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần C, đóng tại Bảo hiểm xã hội Quận G, từ tháng 02/2023 đến tháng 7/2024, chức danh công việc: nhân viên cung ứng; căn cứ đóng là 5.008.000 đồng/tháng. Công ty Cổ phần C chưa chốt sổ cho bà Mai Ngọc Đông V.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 168 Bộ luật Lao động năm 2019, khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Điều 3 Luật Việc làm năm 2013, bà V thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm thất nghiệp.

Đồng thời, Điều 5 và Khoản 2, 3 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội quy định: Mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được tính trên cơ sở tiền lương tháng của người lao động.

Điều 58 Luật Việc làm quy định: Người lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp là tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

Bà Mai Ngọc Đông V yêu cầu Công ty Cổ phần C đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho bà V từ tháng 02/2023 đến hết tháng 7/2024 trên mức lương 5.008.000 đồng/tháng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 32, Khoản 1 Điều 35, điểm d Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 186, Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Áp dụng Điều 90, Điều 95 Điều 168 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Áp dụng Điều 2, Điều 5, Điều 89 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Áp dụng Điều 3, Điều 58 Luật Việc làm năm 2013;

- Áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Ngọc Đông V.

1.1. Công ty Cổ phần C có trách nhiệm thanh toán tiền lương còn nợ cho bà Mai Ngọc Đông V, số tiền 28.661.000 (hai mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn) đồng.

1.2. Công ty Cổ phần C có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Mai Ngọc Đông V từ tháng 02 năm 2023 đến hết tháng 7 năm 2024 với mức lương 5.008.000 (năm triệu không trăm lẻ tám ngàn) đồng/tháng, tỷ lệ đóng theo quy định của pháp luật, chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà Mai Ngọc Đông V theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần C phải nộp 859.830 (tám trăm năm mươi chín ngàn tám trăm ba mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Mai Ngọc Đông V được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND KV2 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Lưu